

Bản án số: 06/2025/DS-ST.

Ngày: 14-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Ông Hoàng Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2024/QĐXXST – DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê H, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Lê B, sinh năm 1961. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/8/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê H trình bày:

Nguyên vào năm 2019 bà Lê B tên thường gọi là K có mở nhiều dây hụi và bà có tham gia nhiều dây hụi, mở hụi theo nhiều hình thức khác nhau, hụi khui theo tháng và hụi khui theo mùa.

Vào ngày 21/02/2023 bà B đã kết thúc các dây hụi và tính tổng lại số tiền các dây hụi bà B đã mở trước đây cho bà và không còn khui hụi nữa. Đến ngày 21/02/2023 bà cùng với bà B tổng lại số tiền các dây hụi bà đã tham gia của bà

B làm chủ hội thì bà B còn nợ lại bà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) cũng có hẹn một vụ lúa trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng. sau đó ngày 11/02/2024 bà B có gửi trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, đến ngày 24/7/2024 bà B gửi trả tiếp cho bà số tiền 5.000.000 đồng và sau đó không có gửi trả tiền cho bà nữa, hiện bà B còn nợ lại bà số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Hiện nay bà đang bị bệnh, vài ngày nữa bà đi mổ nên bà yêu cầu bà B trả tiền hội còn nợ cho bà hết số tiền còn thiếu.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu bà Lê B trả cho bà số tiền hội còn nợ là số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) và trả một lần, trả nhiều lần thì bà không đồng ý.

2/ Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Lê B trình bày:

Trước đây bà có tên Lê B nhưng sau này khi đi làm giấy tờ lại thì chỉ còn tên Lê B, đúng là bà có làm chủ hội và mở nhiều dây hội, bà Lê H có tham gia hội của bà nhiều dây, hội tháng, hội mùa đều có, v.v.....Do bà bị bệnh tai biến nên bà không còn khai hội nữa nên bà có tính tổng lại số tiền còn nợ hội của bà H là hơn 300.000.000 đồng và bà cũng đã trả cho bà H nhiều lần còn nợ lại số tiền hội theo biên nhận bà H cung cấp là 200.000.000 đồng. Sau đó bà có gửi trả từ từ cho bà H được 10.000.000 đồng và còn nợ lại bà H số tiền hội là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), bà còn nợ nhiều người nên xin mỗi vụ lúa bà trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà H, còn trả một lần thì bà không có khả năng.

3/ Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê H buộc bà Lê B có trách nhiệm trả số tiền hội tổng cộng cho bà Lê H là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

* Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tiền nợ hội đối với bị đơn đang cư trú tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về

việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Lê H yêu cầu bà Lê B có trách nhiệm trả cho bà H số tiền hụi còn nợ là 190.000.000 đồng, trả một lần; còn bà B cũng thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà H đúng số tiền bà H khởi kiện nhưng xin trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000 đồng. Đây là những tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận, không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thỏa thuận mở hụi, tham gia hụi giữa bà B và bà H là hoàn toàn tự nguyện, nhưng bà B tự ngưng khai hụi, các bên đã chốt nợ hụi với nhau nhưng đến nay bà B không giao tiền hụi cho hụi viên đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi nên bà H khởi kiện bà B để đòi lại số tiền hụi còn nợ là phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các điều 15, 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu xin trả dần của bà B mỗi vụ lúa trả cho bà H số tiền 5.000.000 nhưng bà H không đồng ý cho bà B trả dần số tiền còn nợ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận trả dần. Ý kiến này các đương sự có thể thỏa thuận với nhau ở giai đoạn thi hành án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê H được chấp nhận nên bà Lê H không phải chịu án phí và bà H đã được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét về tiền tạm ứng án phí. Bà Lê B phải chịu án phí số tiền $5\% \times 190.000.000 \text{ đồng} = 9.500.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng bà Lê B có đơn xin miễn án phí và hiện nay bà B đã hơn 60 tuổi thuộc trường hợp người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bà Lê B.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 15, Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê H về việc yêu cầu bà Lê B trả số tiền nợ hụi.

Buộc bà Lê B có trách nhiệm trả cho bà Lê H số tiền nợ hụi tổng cộng là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê H thì hàng tháng bà Lê B còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê H không phải chịu án phí.

Bà Lê B không phải chịu án phí.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng